

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đậu Cao Nhu.
2. Bà Lê Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Duy H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Khối 7, thị trấn C Gi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị D, sinh năm 1997. Nơi ĐKKHKT: Khối 7, thị trấn C Gi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Xóm 12 (xóm 8 mới), xã Qu Gi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Duy H trình bày: Anh và chị Bùi Thị D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C Gi, huyện Quỳnh Lưu vào ngày 26/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thiếu tôn trọng nhau nên cuộc

sống không hạnh phúc. Anh và chị Du sống ly thân đầu năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung đã chấm dứt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D. Vợ chồng anh có 01 (một) con chung Vũ Anh T, sinh ngày 23/10/2019, đang ở với chị D, con dưới 36 tháng tuổi nên anh đề nghị giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 3/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Bị đơn chị Bùi Thị D: đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn và bản sao Đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ anh H giao nộp. Chị D đã nhận nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ông Bùi Văn Qu (bố chị D) trình bày: ông không biết mâu thuẫn giữa anh Hải và chị D, chị D và con về sống với vợ chồng ông từ tháng 7/2019 đến nay, không thấy anh H quan tâm đến vợ con. Tòa án tổng đạt các tài liệu, thông báo chị D đã nhận nhưng vì quy định của người công giáo không cho phép ly hôn nên chị D không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Anh H, chị D có 01 (một) con chung Vũ Tú A, sinh ngày 23//10/2019, đề nghị Tòa án giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung anh H đã bán hết không còn gì nữa.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn C Gi thể hiện: Anh H, chị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối 7, thị trấn C G, huyện Quỳnh Lưu. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không biết do không hòa giải ở cơ sở, chỉ biết hiện nay anh H, chị D đang sống ly thân. Anh H xin ly hôn, quyền nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, tổng đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của thẩm phán là hoàn toàn đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo quy định của pháp luật trong quá trình xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh H được ly hôn chị D, giao con chung Vũ Anh T, sinh ngày 23/10/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 3/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tài sản chung không xem xét. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: anh Vũ Duy H khởi kiện xin ly hôn chị Bùi Thị D, giải quyết về con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối 7, thị trấn C Gi và hiện đang sinh sống tại xã Qu Gi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: chị Bùi Thị D đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh H, chị D là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 26/11/2018). Do bất đồng quan điểm, thiếu tôn trọng lẫn nhau nên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng số ly thân từ 7/2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết Tòa án báo chị D đến hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng chị không đến, anh H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Qua thông tin xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn C Gi và người thân của chị D. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình là không thể.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh H được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh H, chị D có 01 (một) con chung Vũ Tú A, sinh ngày 23/10/2019. Con dưới 36 tháng tuổi, từ khi vợ chồng sống ly thân, con ở với chị D, anh H có ý kiến đề nghị giao con cho chị D nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi và mọi mặt của con chung nên tiếp tục giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) của anh H.

Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 40, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Duy H và chị Bùi Thị D.
2. Về con chung: Giao con Vũ Tú A, sinh ngày 23/10/2019 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vũ Duy H cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 3/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Vũ Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản: Không xem xét.
4. Về án phí: Anh Vũ Duy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai thu tiền số 0007751 ngày 17/01/2022 và phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.
5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND thị trấn C Gi (nơi ĐKKH 2018);
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến

